

QUẢN LÝ KHU BẢO TỒN VÀ VƯỜN QUỐC GIA

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	MT610038
1.2. Tên học phần:	Quản lý khu bảo tồn và vườn quốc gia
1.3. Tên tiếng Anh:	Management of Protected Areas And National Parks
1.4. Số tín chỉ:	3 (2 LT + 1 TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Môi trường
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Nguyễn Thị Thắm
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS. Nguyễn Thị Khiên, TS. Lê Duy Khương.
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Đa dạng sinh học
- Học phần học trước:	Luật và chính sách tài nguyên môi trường
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần Quản lý khu bảo tồn và Vườn quốc gia, người học nắm được những kiến thức cơ bản về các khu bảo tồn và Vườn Quốc gia; Quy trình quản lý khu bảo tồn và vườn Quốc gia, đồng thời thành thạo các kỹ năng phân tích vấn đề, lập kế hoạch quản lý Khu bảo tồn và Vườn quốc gia.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Có kiến thức về các Khu bảo tồn và Vườn quốc gia, những giá trị của khu bảo tồn và vườn quốc gia

- CO2: Có kiến thức về quy trình quản lý các khu bảo tồn và Vườn quốc gia; kế hoạch, chiến lược để quản lý các khu bảo tồn và vườn quốc gia; tài chính và du lịch sinh thái ở các khu bảo tồn và Vườn quốc gia.

2.2.2. Về kỹ năng:

- CO3: Có kỹ năng phân biệt giữa khu bảo tồn và vườn quốc gia

- CO4: Có kỹ năng phân tích vấn đề, lập kế hoạch quản lý TNTN, KBT và VQG

2.2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm

- CO5: Nhận thức rõ ý nghĩa của các khu bảo tồn và vườn quốc gia đối với môi trường, với địa phương, quốc gia và trong quản lý và bảo tồn tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.

3. Chuẩn đầu ra của HP (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Phân biệt được các khái niệm Khu bảo tồn và Vườn quốc gia những giá trị của Khu bảo tồn và Vườn quốc gia	CO1
CLO2	Trình bày được quy trình quản lý các khu bảo tồn và Vườn quốc gia;	CO2
CLO3	Lập được kế hoạch, chiến lược để quản lý các khu bảo tồn và vườn quốc gia; tài chính và du lịch sinh thái ở các khu bảo tồn và Vườn quốc gia	CO2; CO3; CO4.
CLO4	Sử dụng thành thạo kỹ năng phân tích vấn đề, lập kế hoạch quản lý Khu bảo tồn và vườn Quốc gia.	CO4; CO5.

4. Mối liên hệ giữa CDR HP (CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, M, R, A¹ cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	I	I	I	I	I			I		I		
CLO2	I	I	R	R	I		R	I	I	I		I
CLO3	I	I	M	R	R		R	R	I	I	I	R
CLO4	I	I	M	R	R		R	R	R	I	I	R
Tổng hợp học phần	I	I	M	R	R		R	R	R	I	I	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

1. Nguyễn Hữu Dũng, Nguyễn Hải Yên, *Hướng dẫn quản lý khu bảo tồn thiên nhiên*, Hà Nội, 2008. Tổ chức bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN) tại Việt Nam

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 04 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần x 15 tuần;
- Kiểm tra, đánh giá: 02 tiết
- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
- + Kiểm tra định kì: 02 bài;
- + Thi kết thúc học phần: 01 bài

7. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hình thức dạy học ứng với loại nội dung
(1)	(3)	4	5	6	

¹ I Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

1	<p>Chương 1. Tổng quan</p> <p>1.1. Khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia và Công ước Đa dạng sinh học</p> <p>1.2. Hệ thống phân hạng quốc tế khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia theo IUCN</p> <p>1.3. Các loại hình khu bảo tồn thiên nhiên và vườn quốc gia khác</p>	4 LT	Phân biệt được Khu bảo tồn và Vườn quốc gia, hệ thống phân hạng quốc tế, các loại hình khu bảo tồn thiên nhiên.	CLO1; CLO2	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng - Thảo luận - Giao bài tập về nhà (BTVN)
2-3	<p>Chương 2. Hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên và vườn quốc gia</p> <p>2.1. Tầm quan trọng</p> <p>2.2. Quy hoạch hệ thống</p> <p>2.3. Đặc điểm của hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên</p> <p>2.4. Hòa nhập các hệ thống khu BTTN vào bối cảnh quốc tế</p> <p>2.5. Quy hoạch vùng sinh học</p> <p>2.6. Quy hoạch hệ thống khu BTTN</p> <p>2.7. Xây dựng quy hoạch hệ thống khu BTTN</p> <p>2.8. Điều kiện đảm bảo thực hiện quy hoạch hệ thống khu BTTN</p> <p>Bài Kiểm tra định kì 1</p>	4 LT 1 KT	Trình bày được tầm quan trọng của Khu bảo tồn, Vườn quốc gia; quy hoạch hệ thống, đặc điểm của hệ thống, quy hoạch vùng sinh học, quy hoạch hệ thống khu BTTN, Xây dựng quy hoạch hệ thống khu BTTN, điều kiện đảm bảo thực hiện quy hoạch hệ thống khu BTTN.	CLO2; CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra bài cũ - Thuyết giảng - Thảo luận - Giao bài tập về nhà (BTVN)

3-4	<p>Chương 3. Kế hoạch quản lý khu bảo tồn thiên nhiên và vườn quốc gia</p> <p>3.1. Định nghĩa các vấn đề liên quan</p> <p>3.2. Các yêu cầu trong chuẩn bị và thực hiện thành công kế hoạch quản lý</p> <p>3.3. Tiến trình lập kế hoạch quản lý</p> <p>3.4. Sự tham gia của cộng đồng</p>	4 LT	Trình bày được kế hoạch quản lý khu bảo tồn và Vườn Quốc gia,	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra bài cũ - Thuyết giảng - Thảo luận - Giao bài tập về nhà (BTVN)
4-5	<p>Chương 4. Giá trị kinh tế của khu bảo tồn thiên nhiên và vườn quốc gia</p> <p>4.1. Cách tiếp cận mới đối với khu BTTN và VQG</p> <p>4.2. Giá trị kinh tế của khu BTTN và VQG</p> <p>4.3. Phương pháp khung lượng giá khu BTTN và VQG</p> <p>Kiểm tra</p>	4 LT 1 KT	Trình bày giá trị kinh tế đối với khu BTTN và Vườn Quốc gia,	CLO2; CLO3.	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra bài cũ - Thuyết giảng - Thảo luận - Giao bài tập về nhà (BTVN)

5-6	<p>Chương 5. Tài chính khu bảo tồn thiên nhiên và Vườn quốc gia</p> <p>5.1. Cách tiếp cận doanh nghiệp trong quản lý khu BTTN và Vườn quốc gia</p> <p>5.2. Kế hoạch tài chính của Khu BTTN và Vườn quốc gia</p> <p>5.3. Kế hoạch kinh doanh của khu BTTN và Vườn quốc gia</p> <p>5.4. Các nguồn tài chính quốc tế hỗ trợ cho khu BTTN và Vườn quốc gia</p> <p>5.5. Các cơ chế tài chính cấp quốc gia</p> <p>5.6. Các cơ chế tài chính cấp địa phương.</p>	4 LT	Trình bày được kế hoạch tài chính của khu BTTN và Vườn quốc gia, các nguồn tài chính cấp quốc tế, quốc gia, địa phương.	CLO2; CLO3.	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra bài cũ - Thuyết giảng - Thảo luận - Giao bài tập về nhà (BTVN)
6-7	<p>Chương 6. Sự tham gia của cộng đồng địa phương và người bản địa</p> <p>6.1. Các nguyên tắc và hướng dẫn</p> <p>6.2. Áp dụng tại Việt Nam</p>	5 LT	Trình bày được các nguyên tắc và hướng dẫn của cộng đồng địa phương và người bản địa đối với khu BTTN và vườn quốc gia;	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra bài cũ - Thuyết giảng - Thảo luận - Giao bài tập về nhà (BTVN)

7-8	<p>Chương 7: Du lịch sinh thái trong các khu bảo tồn thiên nhiên và Vườn quốc gia</p> <p>7.1. Khái niệm DLST và yêu cầu phát triển DLST ở các khu BTTN và Vườn quốc gia</p> <p>7.2. DLST là một công cụ bảo tồn</p> <p>7.3. Lập quy hoạch DLST quốc gia, vùng và địa phương</p> <p>7.4. Quản lý du lịch sinh thái</p> <p>7.5. Vai trò của cộng đồng</p> <p>7.6. Xúc tiến du lịch sinh thái</p> <p>7.7. Một số kiến nghị cho sự phát triển DLST trong các khu BTTN và Vườn quốc gia Việt Nam</p>	3 LT	Lập được quy hoạch DLST quốc gia, vùng, địa phương, xúc tiến được du lịch sinh thái	CLO2; CLO3.	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra bài cũ - Thuyết giảng - Thảo luận - Giao bài tập về nhà (BTVN)
8-10	<p>Bài thực hành 1</p> <p>Quan sát các Khu BTTB và Vườn Quốc gia</p>	8 tiết	Phân biệt được Khu bảo tồn và vườn Quốc gia; hệ thống phân hạng quốc tế các loại hình khu bảo tồn thiên nhiên.	CLO1; CLO2	Quan sát thực tế các Khu bảo tồn và vườn Quốc gia khi đi thực tế và viết báo cáo thu hoạch.
10-11	<p>Bài Thực hành 2</p> <p>Thiết kế quy hoạch hệ thống khu BTTN</p>	6 tiết	Thiết kế, xây dựng quy hoạch hệ thống khu BTTN.	CLO2; CLO3.	Các nhóm thiết kế, xây dựng quy hoạch hệ thống Khu bảo tồn.

12-13	Bài thực hành 3 Lập kế hoạch quản lý khu BTTN và Vườn quốc gia	6 tiết	Lập được kế hoạch quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên và vườn Quốc gia.	CLO2; CLO4.	
13-14	Bài thực hành 4 Thực hành: Phương pháp khung lượng giá khu BTTN và Vườn quốc gia	4 tiết	Lập được khung lượng giá cho Khu bảo tồn	CLO3; CLO4	Giao bài tập cho sv tự lập kế hoạch và tính khung lượng giá cho Khu bảo tồn và vườn Quốc gia.
14-15.	Bài thực hành 5 Du lịch sinh thái khu BTTN và Vườn Quốc gia	6 tiết	Lập quy hoạch du lịch sinh thái quốc gia, vùng, địa phương và lên phương án xúc tiến được du lịch sinh thái	CLO3; CLO4	Giao bài tập, các nhóm tự thiết kế vào báo cáo kết quả.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra – đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Thời gian tham dự, ý thức dự lớp, thái độ tham dự, ý thức tự học	Thời gian 30%, ý thức dự lớp 30%, ý thức tự học 40%			Điểm danh, ghi chú thái độ tham dự lớp của từng sinh viên theo buổi học, sau đó chấm điểm.
A2		Bài 1: Chương	50%		CLO1, CLO2	Kết quả sinh viên

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
Đánh giá định kỳ	30%	1,2,				làm bài thi viết trên giấy
		Bài 2: Chương 3,4	50%		CLO1, CLO2, CLO3	Kết quả sinh viên làm bài thi viết trên giấy
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Chương 1,2,3,4,5, 6,7,			CLO1, CLO2, CLO3.	Kết quả sinh viên làm bài thi viết trên giấy

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Đánh giá chuyên cần theo thang điểm 10 dựa trên 3 tiêu chí: thời gian dự lớp, ý thức học trên lớp, ý thức tự học cụ thể theo bảng 5.

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Điểm cho mỗi mục	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Thời gian dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
4	-	-	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.
3	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	Tích cực phát biểu, thảo luận, đặt câu hỏi.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
2	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$	Có ý thức phát biểu, thảo luận, đặt câu	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.

	số tiết trên lớp	hỏi.	
1	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
0	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không thích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

Điểm kiểm tra – đánh giá định kỳ, thường xuyên: trọng số 30%; gồm 02 bài kiểm tra giữa kỳ.

Nội dung: Hai bài kiểm tra định kỳ sau khi học xong một số chương gồm:

Bài 1: tuần 8; Chương 1,2,

Bài 2: tuần 13; Chương 3,4.

Hình thức thi: Viết tự luận

- Thời gian: 50 phút/ bài

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ

STT	Nội dung kiểm tra, đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Bài 1: Chương 1,2,	- Thể hiện đầy đủ, chính xác từng nội dung yêu cầu đạt 100%; - Trình bày không đầy đủ hoặc sai so với yêu cầu sẽ bị trừ điểm theo phần trăm tổng điểm (10 điểm).	10
2	Bài 2: Chương 3,4.	- Thể hiện đầy đủ, chính xác từng nội dung yêu cầu đạt 100%; - Trình bày không đầy đủ hoặc sai so với yêu cầu sẽ bị trừ điểm theo phần trăm tổng điểm (10 điểm).	10
Tổng điểm (bài 1 + bài 2)/2			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: toàn bộ các chương từ chương 1 - 7;
- Hình thức: tự luận + trắc nghiệm
- Thời gian: 60 phút

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	2 câu tự luận (thuộc một trong các chương 1-7)	Thể hiện được đầy đủ kiến thức theo yêu cầu đạt 90% (3,6 điểm). Trình bày không đầy đủ hoặc sai so với yêu cầu sẽ bị trừ điểm theo phần trăm so với tổng điểm. - Trình bày dữ liệu đúng quy chuẩn: 10% (0,4 điểm)	4
2	30 câu trắc nghiệm	Mỗi câu chọn một đáp án đúng được 0,2 điểm	6
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2022

Trưởng khoa



Lê Duy Khương

Người biên soạn



Nguyễn Thị Thắm